

Phân tích thâm hụt thương mại kể từ đầu năm: Động lực & triển vọng

Lê Trần Thu Hằng

Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt cao kỷ lục 20,5 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, so với thặng dư 14 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái, trong đó thặng dư của khu vực FDI giảm 67% so với cùng kỳ xuống 9,3 tỷ USD trong khi thâm hụt của khu vực trong nước tăng gấp đôi lên 29,8 tỷ USD.
- Cụ thể, nhóm năng lượng dẫn đầu thâm hụt do hiệu ứng giá (tăng 46,8% so với cùng kỳ lên 15,5 tỷ USD), cùng với thâm hụt nhóm máy móc & thiết bị (13 tỷ USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ), than (6,2 tỷ USD) và quặng (3 tỷ USD) do các doanh nghiệp sản xuất trong nước phải nhập khẩu để phục vụ nhu cầu sản xuất. Dựa trên xu hướng quá khứ, chúng tôi kỳ vọng thâm hụt nhóm năng lượng sẽ ổn định trở lại trong năm 2027.
- Thặng dư của khu vực FDI thu hẹp khi thâm hụt nhóm thiết bị điện tử tăng gấp đôi trong bối cảnh giá chất bán dẫn tăng cao và sự phụ thuộc mang tính cấu trúc của Việt Nam vào nhập khẩu chất bán dẫn. Tình trạng mất cân bằng này được dự báo sẽ tiếp diễn nếu giá chip duy trì ở mức cao.

Thâm hụt năng lượng của khu vực trong nước: Cú sốc giá, khó đảo chiều

Cán cân thương mại của Việt Nam đã đảo chiều sang thâm hụt 20,5 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026 từ thặng dư 14 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái, mức thâm hụt cao kỷ lục, trong đó 1) thặng dư của khu vực FDI thu hẹp xuống 9,3 tỷ USD do thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử mở rộng (tăng 2,1 lần so với cùng kỳ lên 57,2 tỷ USD) và 2) thâm hụt của khu vực trong nước tăng gấp đôi lên 29,8 tỷ USD, trong đó thâm hụt nhóm năng lượng là nguyên nhân chính (tăng 46,8% so với cùng kỳ lên 15,5 tỷ USD). Tổng thâm hụt nhóm năng lượng tăng 50,8% so với cùng kỳ lên 16,5 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, chủ yếu do hiệu ứng giá thay vì hiệu ứng sản lượng. Tuy nhiên, trong quá khứ, một năm sau khi cuộc chiến Nga - Ukraine bắt đầu, thâm hụt nhóm năng lượng chỉ hạ nhiệt 3,7% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2023 mặc dù giá năng lượng giảm do sản lượng tăng trưởng vượt trội so với giá. Do đó, chúng tôi kỳ vọng thâm hụt nhóm năng lượng sẽ ổn định trở lại thay vì thu hẹp đáng kể trong năm 2027.

Thâm hụt nhóm thiết bị điện tử của khu vực FDI: Tiếp tục mất cân bằng đáng kể do nhu cầu AI

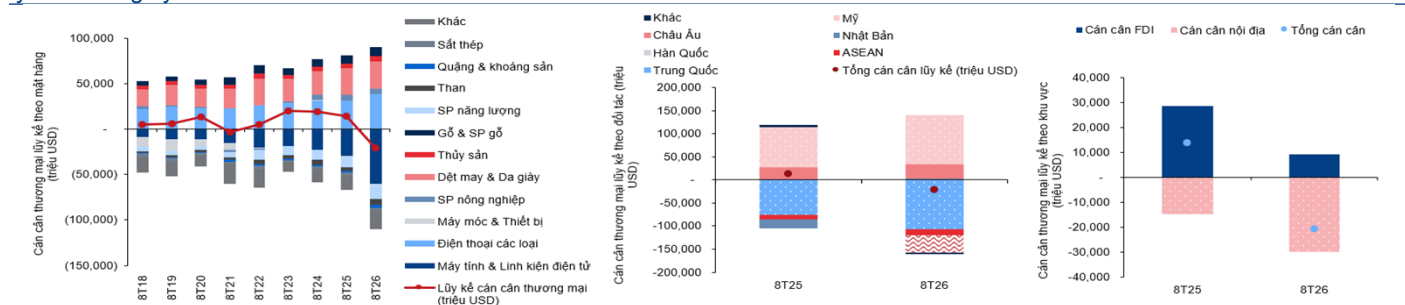
Hai yếu tố dẫn dắt thâm hụt nhóm thiết bị điện tử kể từ đầu năm. Thứ nhất, giá chất bán dẫn tăng mạnh nhờ chi tiêu vốn cho hạ tầng AI toàn cầu, trong khi mức độ chuyển tiếp sang giá máy tính và laptop thành phẩm chỉ ở một phần. Thứ hai, chất bán dẫn chỉ chiếm 19,5% KNKK nhóm máy tính & thiết bị điện tử nhưng chiếm tới 53,9% KNNK trong năm 2024. Do đó, chừng nào hoạt động đầu tư AI mạnh mẽ còn hỗ trợ giá chip, thâm hụt nhóm thiết bị điện tử nhiều khả năng sẽ tiếp diễn.

Ngoài thâm hụt nhóm thiết bị điện tử & năng lượng, kể từ đầu năm, thâm hụt ở nhóm than (6,2 tỷ USD) và quặng & khoáng sản (3 tỷ USD) nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì do Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu để [phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước](#). Về mặt tích cực, thặng dư ở một số nhóm hàng đã giúp hạn chế mức thâm hụt chung, bao gồm điện thoại các loại (38,7 tỷ USD), dệt may & giày dép (30,4 tỷ USD), gỗ (9,3 tỷ USD), thủy sản (5,9 tỷ USD) và nông sản (5,6 tỷ USD). Nhờ KNKK nhóm nông-lâm-thủy hải sản của khu vực trong nước mạnh mẽ, tăng trưởng xuất khẩu sẽ tiếp tục hỗ trợ cán cân thương mại. Ngoài ra, thâm hụt nhóm thiết bị điện tử đã thu hẹp 14% so với tháng trước trong tháng 8/2026, một diễn biến tích cực nếu xu hướng này được giữ vững.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/10.

Biểu đồ 1: Cán cân thương mại lũy kế từ đầu năm theo sản phẩm, đối tác thương mại và theo ngành

Cán cân thương mại của Việt Nam chuyển sang thâm hụt mạnh 20,5 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, so với mức thặng dư 14 tỷ USD cùng kỳ năm 2025



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Phân tích chi tiết về thâm hụt thương mại

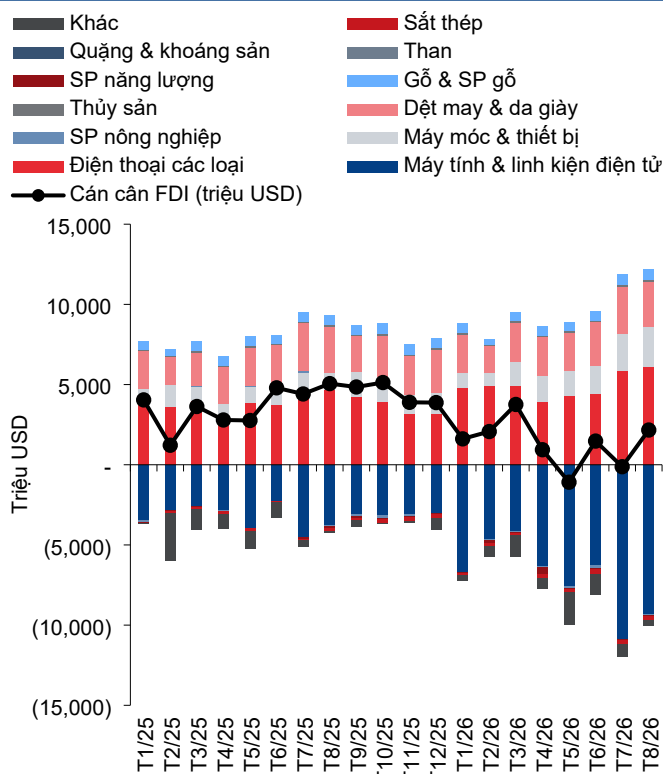
Cán cân thương mại của Việt Nam đã đảo chiều từ thặng dư 14 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2025 sang thâm hụt 20,5 tỷ USD một năm sau đó. Nguyên nhân đến từ thặng dư của khu vực FDI sụt giảm (9,3 tỷ USD, giảm 67,6% so với cùng kỳ) do thâm hụt nhóm thiết bị điện tử ở mức 57,2 tỷ USD và thâm hụt của khu vực trong nước tăng gấp đôi lên 29,8 tỷ USD, dẫn đầu là nhóm năng lượng. Tuy nhiên, hai khoản thâm hụt này mang bản chất khác nhau. Thâm hụt nhóm năng lượng là câu chuyện về giá và tiền lệ trong giai đoạn 2022-2023 cho thấy KNNK có thể hạ nhiệt khi giá toàn cầu hạ nhiệt. Ngược lại, thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử có thể dai dẳng hơn do Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu chất bán dẫn. Nếu giá chip tiếp tục tăng, chi phí nhập khẩu có thể tiếp tục tăng nhanh hơn giá xuất khẩu. Thâm hụt nhóm thiết bị điện tử sẽ tiếp tục là lực cản chính đối với cán cân thương mại chung trong năm 2027.

Thâm hụt thương mại do thâm hụt khu vực trong nước mở rộng & thặng dư khu vực FDI thu hẹp

Cán cân thương mại của Việt Nam đã chuyển sang thâm hụt mạnh 20,5 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, mức thâm hụt cao kỷ lục, so với thặng dư 14 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái. Sự đảo chiều mạnh mẽ này đặt ra hai câu hỏi quan trọng: khu vực nào đang dẫn đầu sự suy yếu này và nhóm sản phẩm nào ghi nhận KNNK vượt KNXX mạnh nhất? Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ phân tích các động lực cơ bản khiến thâm hụt thương mại mở rộng và đánh giá những áp lực này mang tính tạm thời hay mang tính cấu trúc hơn, cũng như khả năng cán cân thương mại có thể đảo chiều trở lại.

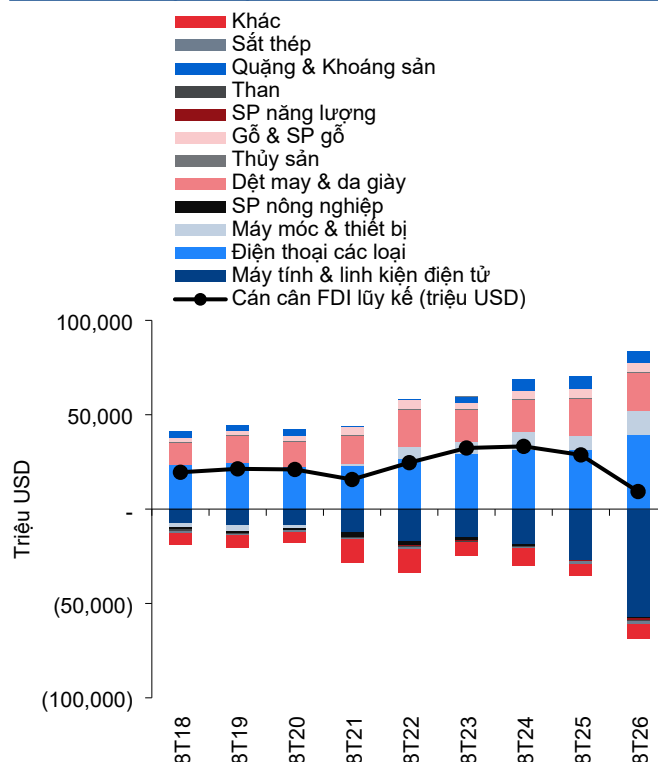
Biểu đồ 2: Cán cân thương mại hàng tháng của khu vực FDI

Trong tháng 8, khu vực FDI ghi nhận thặng dư thương mại 2,2 tỷ USD, đảo chiều so với mức thâm hụt 0,1 tỷ USD trong tháng 7



Biểu đồ 3: Cán cân thương mại so với đầu năm của khu vực FDI

Thặng dư thương mại của khu vực FDI giảm đáng kể, xuống còn 9,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, so với mức 28,7 tỷ USD cùng kỳ năm trước, do thâm hụt thương mại của nhóm hàng máy tính và điện tử gia tăng



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Ghi chú: Nông nghiệp bao gồm: Gạo, cà phê, trái cây và rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, bánh kẹo và các chế phẩm từ ngũ cốc,

Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Ghi chú: Nông nghiệp bao gồm: Gạo, cà phê, trái cây và rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, bánh kẹo và các chế phẩm từ ngũ cốc,

thức ăn gia súc và nguyên liệu thức ăn gia súc, mỡ và dầu động vật, thực vật, các chế phẩm thực phẩm ăn được khác, lúa mì, sữa và các sản phẩm từ sữa, ngô, đậu tương, động vật và các sản phẩm từ động vật.
Dệt may và Giày dép bao gồm: Hàng dệt may, giày dép, sợi, vải mảnh làm lớp và các loại vải khác dùng cho mục đích kỹ thuật, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, các sản phẩm dệt may thành phẩm khác, vải, bông.
Năng lượng bao gồm: Dầu thô, sản phẩm xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu mỏ khác.

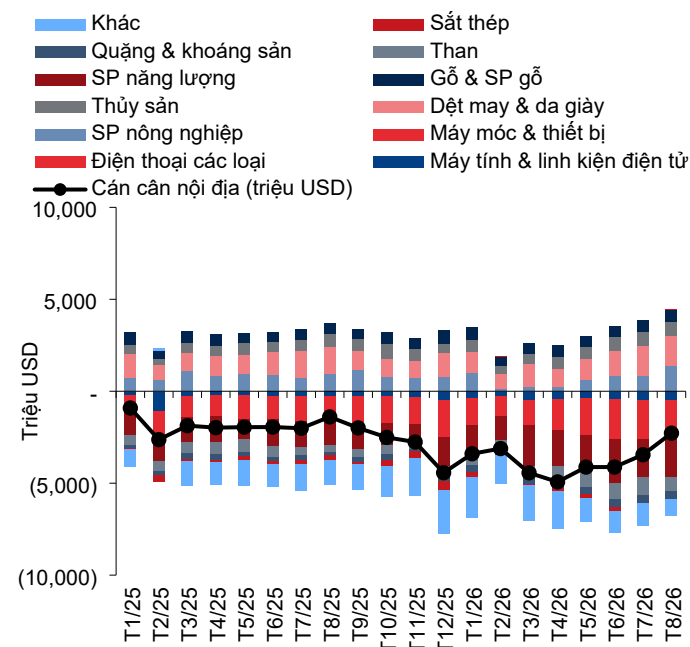
thức ăn gia súc và nguyên liệu thức ăn gia súc, mỡ và dầu động vật, thực vật, các chế phẩm thực phẩm ăn được khác, lúa mì, sữa và các sản phẩm từ sữa, ngô, đậu tương, động vật và các sản phẩm từ động vật.
Dệt may và Giày dép bao gồm: Hàng dệt may, giày dép, sợi, vải mảnh làm lớp và các loại vải khác dùng cho mục đích kỹ thuật, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, các sản phẩm dệt may thành phẩm khác, vải, bông.
Năng lượng bao gồm: Dầu thô, sản phẩm xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu mỏ khác.

Thứ nhất, chúng tôi nhận thấy cán cân thương mại Việt Nam suy yếu phản ánh cả thặng dư thương mại của khu vực FDI thu hẹp và thâm hụt thương mại của khu vực trong nước mở rộng. Cụ thể, thặng dư thương mại của khu vực FDI thu hẹp 67,6% so với cùng kỳ xuống 9,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, chủ yếu phản ánh sự suy yếu mạnh ở 3 nhóm sản phẩm. Thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử mở rộng 2,1 lần so với cùng kỳ lên 57,2 tỷ USD, thâm hụt nhóm năng lượng tăng 2,5 lần so với cùng kỳ lên 1,1 tỷ USD và thâm hụt nhóm sắt thép tăng 41,3% so với cùng kỳ lên 1,5 tỷ USD. Các khoản thâm hụt mở rộng này đã bù trừ hoàn toàn thặng dư trên diện rộng ở các phân khúc xuất khẩu cốt lõi: điện thoại các loại (tăng 24,4% so với cùng kỳ lên 39,3 tỷ USD), máy móc & thiết bị (tăng 73% so với cùng kỳ lên 12,9 tỷ USD), dệt may & giày dép (tăng 2,7% so với cùng kỳ lên 19,9 tỷ USD), thủy sản (tăng 11,6% so với cùng kỳ lên 0,7 tỷ USD) và gỗ & sản phẩm từ gỗ (tăng 1,1% so với cùng kỳ lên 4,5 tỷ USD). Xu hướng này cho thấy tăng trưởng xuất khẩu, mặc dù tích cực, vẫn chưa theo kịp tăng trưởng KNNK ở các phân khúc nguyên liệu thô, hàng hóa trung gian và tư liệu sản xuất của khu vực này (Biểu đồ 2, 3).

Trong khi đó, thâm hụt thương mại của khu vực trong nước tăng gấp đôi so với cùng kỳ lên 29,8 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026 do thâm hụt ở các nhóm sản phẩm năng lượng chủ chốt mở rộng lên 15,5 tỷ USD (tăng 46,8% so với cùng kỳ), máy móc & thiết bị ở mức 13 tỷ USD (tăng 46,5% so với cùng kỳ) và máy tính & thiết bị điện tử ở mức 3,3 tỷ USD (tăng 63,4% so với cùng kỳ). Thâm hụt cũng đáng chú ý ở nhóm than với 6,2 tỷ USD (tăng 34,1% so với cùng kỳ) và quặng & các khoáng sản khác với 3 tỷ USD (tăng 58,2% so với cùng kỳ), phản ánh nhu cầu nhập khẩu của các doanh nghiệp sản xuất trong nước nhằm [duy trì hoạt động sản xuất](#). Thặng dư tiếp tục ghi nhận ở nhóm thủy sản (5,2 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ), gỗ & sản phẩm từ gỗ (4,8 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ) và dệt may & giày dép (10,4 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ), trong khi nhóm nông sản chỉ còn thặng dư 6,2 tỷ USD (giảm 9,2% so với cùng kỳ) (Biểu đồ 4, 5). Đáng chú ý, khu vực FDI duy trì thặng dư ở nhóm máy móc & thiết bị, trong khi khu vực trong nước vẫn thâm hụt sâu, phản ánh nhu cầu tiếp tục nhập khẩu máy móc & thiết bị chủ chốt phục vụ HKKD của các doanh nghiệp trong nước.

Biểu đồ 4: Cán cân thương mại hàng tháng của khu vực trong nước

Trong tháng 8, khu vực trong nước ghi nhận thâm hụt thương mại 2,3 tỷ USD, chủ yếu do thâm hụt 2,3 tỷ USD ở nhóm hàng năng lượng và 1,8 tỷ USD ở nhóm máy móc, thiết bị

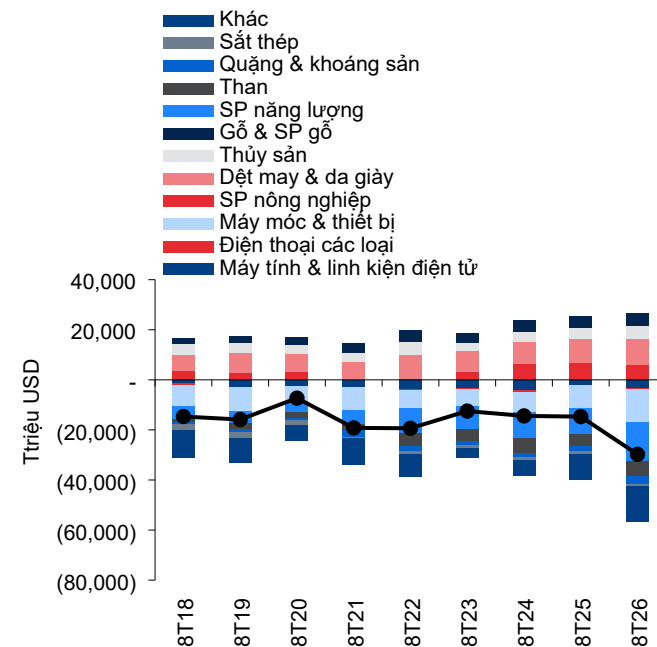


Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Ghi chú: Nông nghiệp bao gồm: Gạo, cà phê, trái cây và rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, bánh kẹo và các chế phẩm từ ngũ cốc, thức ăn gia súc và nguyên liệu thức ăn gia súc, mỡ và dầu động vật, thực vật, các chế phẩm thực phẩm ăn được khác, lúa mì, sữa và các sản phẩm từ sữa, ngô, đậu tương, động vật và các sản phẩm từ động vật.
Dệt may và Giày dép bao gồm: Hàng dệt may, giày dép, sợi, vải mảnh làm lớp và các loại vải khác dùng cho mục đích kỹ thuật, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, các sản phẩm dệt may thành phẩm khác, vải, bông.
Năng lượng bao gồm: Dầu thô, sản phẩm xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu mỏ khác

Biểu đồ 5: Cán cân thương mại lũy kế từ đầu năm của khu vực trong nước

Trong 8 tháng đầu năm 2026, thâm hụt thương mại của khu vực trong nước tăng gấp đôi lên 29,7 tỷ USD, do các nhóm sản phẩm năng lượng, máy móc & thiết bị, máy tính & thiết bị điện tử ghi nhận thâm hụt gia tăng



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Ghi chú: Nông nghiệp bao gồm: Gạo, cà phê, trái cây và rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, bánh kẹo và các chế phẩm từ ngũ cốc, thức ăn gia súc và nguyên liệu thức ăn gia súc, mỡ và dầu động vật, thực vật, các chế phẩm thực phẩm ăn được khác, lúa mì, sữa và các sản phẩm từ sữa, ngô, đậu tương, động vật và các sản phẩm từ động vật.
Dệt may và Giày dép bao gồm: Hàng dệt may, giày dép, sợi, vải mảnh làm lớp và các loại vải khác dùng cho mục đích kỹ thuật, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, các sản phẩm dệt may thành phẩm khác, vải, bông.
Năng lượng bao gồm: Dầu thô, sản phẩm xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu mỏ khác

Sau khi đánh giá các động lực chính khiến thặng dư khu vực FDI thu hẹp và thâm hụt của khu vực trong nước mở rộng kể từ đầu năm, chúng tôi nhận thấy xu hướng tương đồng ở cả hai khu vực: thâm hụt mở rộng ở 1) nhóm sản phẩm năng lượng và 2) nhóm máy tính & thiết bị điện tử. Để đánh giá nguyên nhân dẫn đến các khoản thâm hụt này, khả năng đảo chiều và thời điểm đảo chiều, chúng tôi phân tích cơ cấu nhập khẩu của từng nhóm như sau.

Thâm hụt nhóm năng lượng: Hiệu ứng giá chiếm ưu thế, khó đảo chiều

Chúng tôi bắt đầu với thâm hụt nhóm năng lượng và xem xét hai câu hỏi. Thứ nhất, tại sao thâm hụt mở rộng? Thứ hai, triển vọng cán cân thương mại nhóm năng lượng trong năm tới như thế nào?

Tại sao thâm hụt mở rộng?

Về câu hỏi “tại sao”, chúng tôi nhận thấy trong các giai đoạn rủi ro địa chính trị gia tăng, biến động KNNK năng lượng chủ yếu đến từ giá thay vì sản lượng. Chênh lệch giữa kim ngạch nhập khẩu và sản lượng nhập khẩu ở các nhóm sản phẩm năng lượng chủ chốt, xét theo tháng, bắt đầu mở rộng sau khi cuộc chiến Mỹ - Iran bùng nổ vào cuối tháng 2/2026. Số liệu 8 tháng đầu năm 2026 khẳng định hiệu ứng giá này:

- KNNK sản phẩm dầu mỏ chỉ tăng 12,1% so với cùng kỳ về sản lượng nhưng tăng 78,3% về giá trị, phản ánh giá xăng, dầu diesel, dầu nhiên liệu và nhiên liệu máy bay toàn cầu tăng mạnh.

- Sản lượng nhập khẩu LPG tăng 13,1% so với cùng kỳ trong khi giá trị tăng 39,4% so với cùng kỳ.
- KNNK dầu thô tăng 18,8% so với cùng kỳ ngay cả khi sản lượng giảm 10,8% so với cùng kỳ.

Ngoài các mặt hàng năng lượng cốt lõi, một số nguyên liệu thô công nghiệp quan trọng như than và quặng & các khoáng sản khác, cũng ghi nhận KNNK tăng nhanh hơn sản lượng. Cụ thể, quặng & các khoáng sản khác tăng 28,9% so với cùng kỳ về sản lượng so với tăng 55% về giá trị, trong khi than tăng 10,6% so với cùng kỳ về sản lượng nhưng tăng 35% so với cùng kỳ về giá trị.

Mặc dù sản lượng tăng phản ánh hoạt động tích trữ trước trong bối cảnh lo ngại thiếu hụt nguồn cung, hóa đơn nhập khẩu các sản phẩm năng lượng quan trọng vẫn chủ yếu là câu chuyện về giá.

Xét tiền lệ quá khứ, trong 7 năm qua, giai đoạn duy nhất kim ngạch nhập khẩu tăng vượt trội so với sản lượng nhập khẩu là năm 2022, sau khi [cuộc chiến Nga - Ukraine bùng nổ vào ngày 24/2/2022](#). Hiệu ứng giá khi đó thậm chí còn rõ ràng hơn khi thâm hụt nhóm năng lượng 8 tháng đầu năm 2022 tăng 79,9% so với cùng kỳ lên 10,3 tỷ USD, so với mức tăng 50,8% so với cùng kỳ lên 16,5 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026.

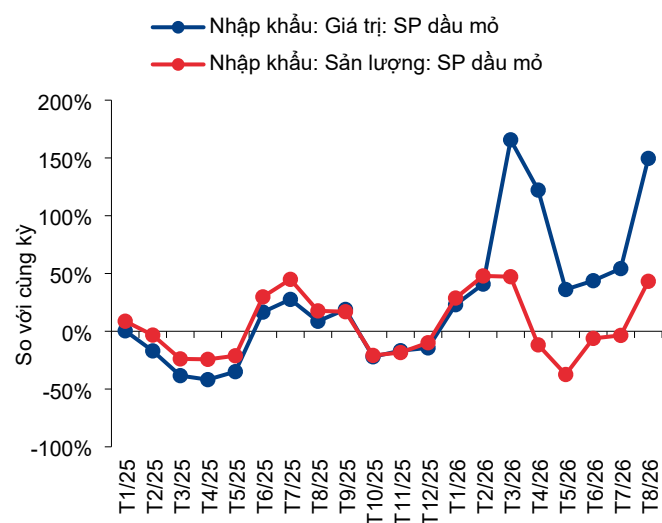
Triển vọng như thế nào?

Sau khi nhận thấy hiệu ứng giá khiến thâm hụt nhóm năng lượng mở rộng trong các giai đoạn rủi ro địa chính trị, chúng tôi tiếp tục xem xét diễn biến thâm hụt nhóm năng lượng trong 1 năm tiếp theo. Dựa trên số liệu 8 tháng đầu năm, trong 8 tháng đầu năm 2023, một năm sau khi cuộc chiến Nga - Ukraine bắt đầu, tăng trưởng sản lượng vượt tăng trưởng giá trị ở tất cả các nhóm sản phẩm năng lượng chính, từ đó thâm hụt nhóm năng lượng thu hẹp 3,7% so với cùng kỳ xuống 9,9 tỷ USD.

Điều này cho thấy hiệu ứng giá đã hạ nhiệt đáng kể trong vòng một năm sau cú sốc nhưng sản lượng nhập khẩu gia tăng đã hạn chế mức độ thu hẹp của thâm hụt. Do đó, chúng tôi kỳ vọng thâm hụt nhóm năng lượng sẽ ổn định trở lại trong năm 2027 thay vì hạ nhiệt đáng kể. Mức độ cải thiện sẽ phụ thuộc vào hai yếu tố: 1) xu hướng giá năng lượng toàn cầu và 2) nhu cầu nhập khẩu của Việt Nam. Giá duy trì ở mức cao càng lâu và nhu cầu nhập khẩu càng mạnh thì thâm hụt thương mại càng khó thu hẹp.

Biểu đồ 6: Nhập khẩu sản phẩm dầu mỏ hàng tháng

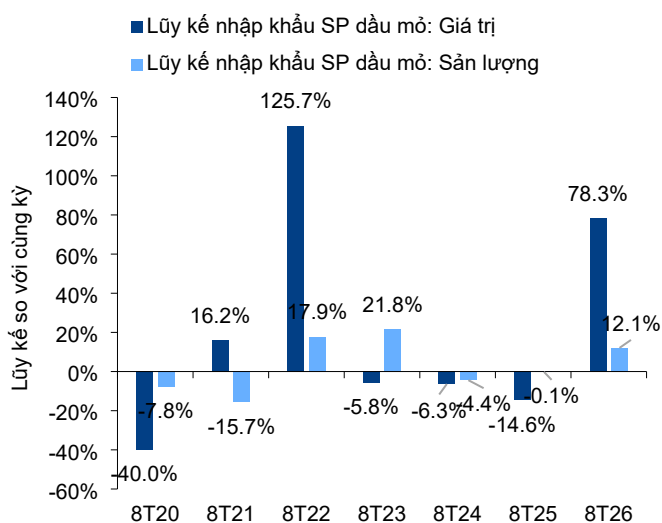
Chênh lệch giữa giá trị và sản lượng nhập khẩu bắt đầu nổi rõ sau khi chiến tranh Mỹ-Iran bùng phát...



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 7: Nhập khẩu sản phẩm dầu mỏ lũy kế từ đầu năm

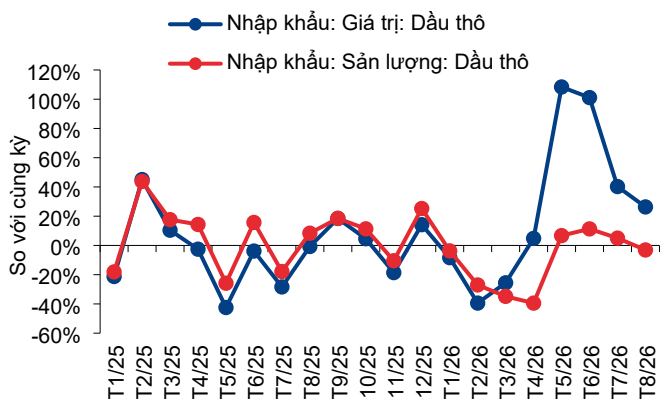
... khiến nhập khẩu sản phẩm dầu mỏ tăng 12,1% so với cùng kỳ về khối lượng, nhưng tăng tới 78,3% về giá trị



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 8: Nhập khẩu dầu thô hàng tháng

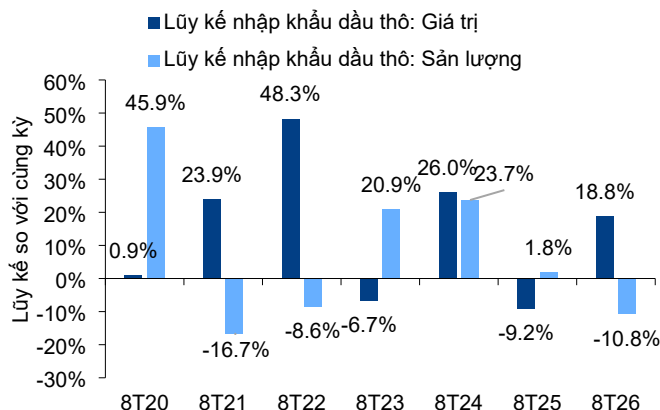
Trong tháng 8, giá trị nhập khẩu dầu thô tăng 26,3% so với cùng kỳ, mặc dù khối lượng nhập khẩu giảm 3,1%



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 9: Nhập khẩu dầu thô lũy kế từ đầu năm

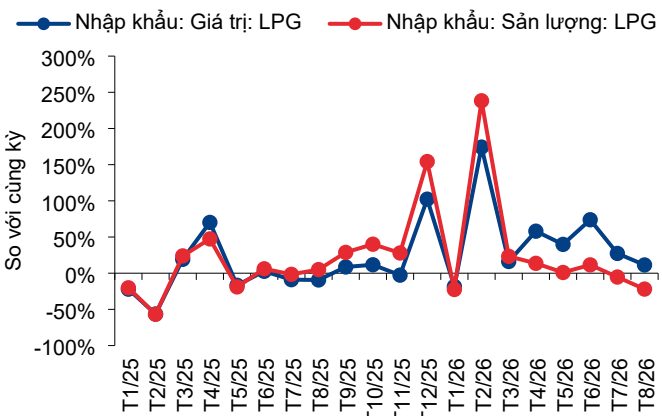
Lũy kế từ đầu năm, giá trị nhập khẩu dầu thô tăng 18,8% so với cùng kỳ dù sản lượng nhập khẩu giảm 10,8% so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 10: Nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hàng tháng

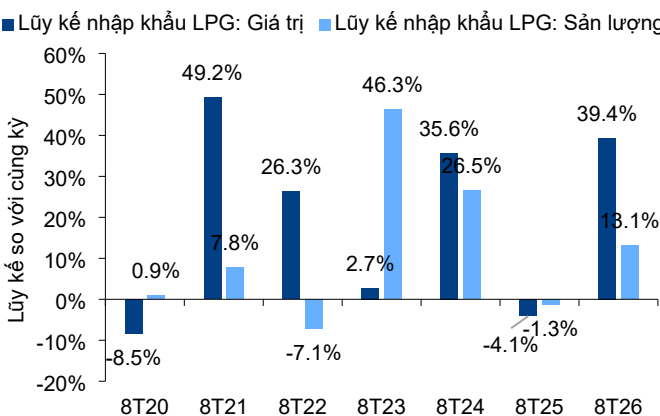
Trong tháng 8, giá trị nhập khẩu LPG tăng 11,4% so với cùng kỳ trong khi sản lượng nhập khẩu giảm 21,9% so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 11: Nhập khẩu LPG lũy kế từ đầu năm

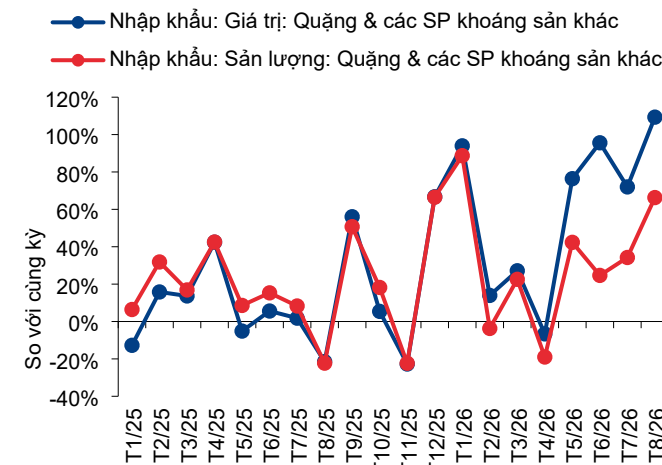
Giá trị nhập khẩu LPG lũy kế từ đầu năm tăng 39,4% về giá trị và 13,1% về sản lượng so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 12: Nhập khẩu quặng và các SP khoáng sản khác hàng tháng

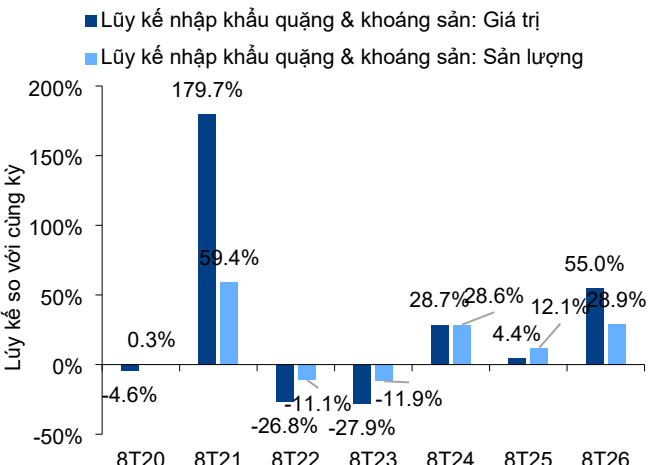
Trong tháng 8, nhập khẩu quặng và các SP khoáng sản khác tăng 109,3% về giá trị và 66,3% về sản lượng so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 13: Nhập khẩu quặng và các SP khoáng sản khác lũy kế từ đầu năm

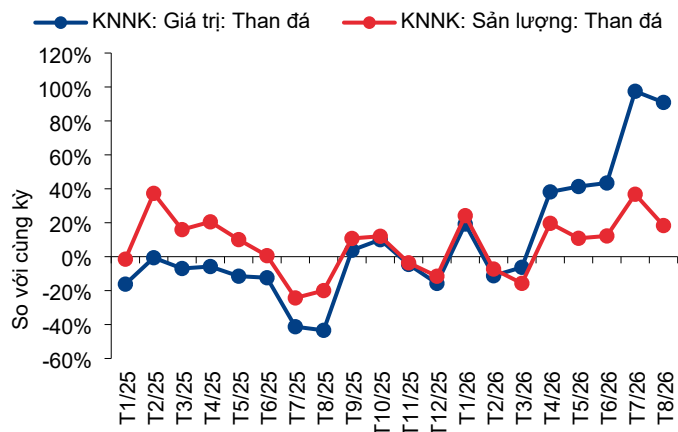
Lũy kế từ đầu năm, nhập khẩu quặng và các SP khoáng sản khác tăng 55% về giá trị và tăng 28,9% về sản lượng so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 14: Nhập khẩu than đá hàng tháng

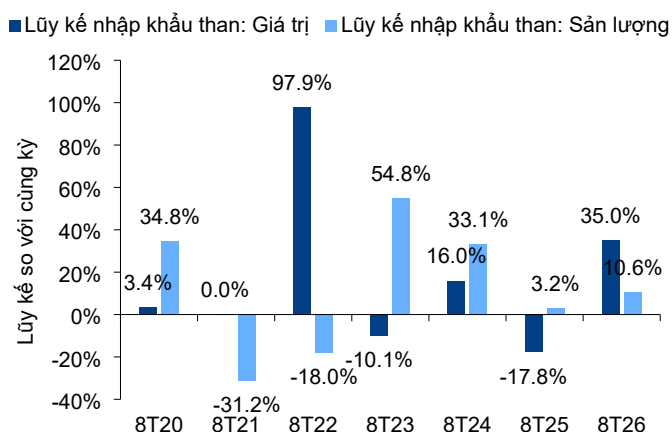
Trong tháng 8, giá trị nhập khẩu than đá tăng 90,9% so với cùng kỳ trong khi sản lượng nhập khẩu tăng 18,3% so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 15: Nhập khẩu than đá lũy kế từ đầu năm

Kể từ đầu năm, nhập khẩu than đá tăng 35% so với cùng kỳ về giá trị và tăng 10,6% so với cùng kỳ về sản lượng



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử: Vấn đề mang tính cấu trúc

Mặc dù thâm hụt nhóm năng lượng ổn định trở lại sẽ giúp giảm nhẹ áp lực lên cán cân thương mại chung trong năm 2027, chúng tôi thận trọng hơn đáng kể đối với nhóm máy tính & thiết bị điện tử. Tương tự như nhóm năng lượng, chúng tôi phân tích nhóm này dựa trên hai câu hỏi: tại sao thâm hụt mở rộng và triển vọng như thế nào?

Tại sao thâm hụt mở rộng?

Hai yếu tố đang gây áp lực lên cán cân thương mại nhóm máy tính & thiết bị điện tử bao gồm: (1) giá các đầu vào chính tăng, đặc biệt là chất bán dẫn và (2) Việt Nam nhập khẩu chất bán dẫn nhiều hơn đáng kể so với xuất khẩu.

Để tham khảo, [Quyết định 382/QĐ-CHQ](#) của Bộ Tài chính quy định bảng tương ứng giữa các nhóm sản phẩm và mã HS. Theo đó, nhóm máy tính & thiết bị điện tử bao gồm máy tính (mã HS 8471), linh kiện điện tử (mã HS 8532, 8533, 8534), TV và màn hình (mã HS 8528), thiết bị ghi và phát âm thanh, hình ảnh (mã HS 8519-8522) và các loại chất bán dẫn chủ chốt, bao gồm vi mạch điện tử tích hợp (mã HS 8541, 8542), cùng các sản phẩm khác.

KNNK chất bán dẫn chủ yếu được dẫn dắt bởi hiệu ứng giá, phản ánh [nhu cầu chi tiêu vốn cho hạ tầng AI toàn cầu tăng mạnh](#). Hàn Quốc, quốc gia Việt Nam thâm hụt thương mại lớn thứ hai kể từ đầu năm, là một ví dụ: giá xuất khẩu chất bán dẫn của quốc gia này đang tăng nhanh hơn đáng kể so với sản lượng xuất khẩu nhờ giá các loại chip chủ chốt tăng mạnh (Biểu đồ 18, 19). [Giá chip nhớ tăng cao cũng đang phản ánh vào giá thiết bị điện tử tiêu dùng](#), đặc biệt là máy tính và laptop, nhưng chỉ phản ánh một phần do [giá máy tính và laptop thành phẩm tăng chậm hơn giá chip nhớ](#).

Yếu tố thứ hai mang tính cấu trúc. Trong năm 2024, chất bán dẫn chỉ chiếm 3,5% tổng KNNK nhưng chiếm 15,1% tổng KNNK. Trong nhóm máy tính & thiết bị điện tử, chất bán dẫn chỉ chiếm 19,5% KNNK nhưng chiếm tới 53,9% KNNK (Biểu đồ 16, 17). Nói cách khác, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu thô, hàng hóa trung gian và tư liệu sản xuất, đồng thời chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm máy tính thành phẩm. Từ đó, KNNK các loại chất bán dẫn chủ chốt tăng nhanh hơn so với KNNK thành phẩm đã gây áp lực lên cán cân thương mại.

Triển vọng như thế nào?

[Nhu cầu đầu tư AI toàn cầu được dự báo tiếp tục mạnh trong năm tới](#), từ đó giúp giá chất bán dẫn duy trì ở mức cao và hỗ trợ nhu cầu thiết bị điện tử từ các trung tâm sản xuất chủ chốt như Việt Nam. Do Việt Nam phụ thuộc nhiều vào chất bán dẫn nhập

khẩu, nếu hoạt động đầu tư AI mạnh mẽ tiếp tục hỗ trợ giá chip, thâm hụt nhóm thiết bị điện tử nhiều khả năng sẽ tiếp diễn.

Những điểm tích cực

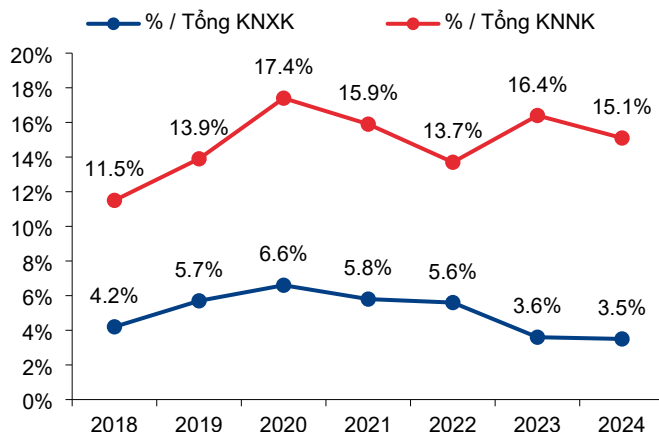
Thặng dư nhóm điện thoại các loại tiếp tục tích cực, tăng 24,1% so với cùng kỳ lên 38,7 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026. Thâm hụt nhóm máy móc & thiết bị thu hẹp mạnh 92,2% so với cùng kỳ xuống 0,1 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, trong khi cán cân thương mại thặng dư trong tháng thứ 2 liên tiếp trong tháng 8.

Theo Quyết định 382/QĐ-CHQ, nhóm máy móc & thiết bị bao gồm máy móc & thiết bị (Chương 84) như động cơ, tua-bin, máy bơm, máy nén khí và các loại máy công nghiệp, máy chế biến thực phẩm, máy dệt may và máy gia công kim loại, cùng nhiều loại thiết bị điện công nghiệp (Chương 85). Sự cải thiện trong cán cân thương mại ở nhóm này cho thấy năng lực công nghiệp gia tăng và năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục được duy trì.

Nhìn chung, nếu nhóm máy móc & thiết bị tiếp tục cải thiện và đưa cán cân thương mại kể từ đầu năm sang thặng dư, điều này có thể hỗ trợ cán cân thương mại chung ở một mức độ nhất định. Ngoài ra, thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử cũng thu hẹp 14% so với tháng trước trong tháng 8. Đây sẽ là tín hiệu tích cực cho cán cân thương mại nói chung nếu sự cải thiện này được duy trì.

Biểu đồ 16: Tỷ trọng thương mại chất bán dẫn chủ chốt trong tổng kim ngạch thương mại

Năm 2024, xuất khẩu chất bán dẫn chỉ chiếm 3,5% tổng KNXX, trong khi nhập khẩu chất bán dẫn chiếm 15,1% tổng KNNK

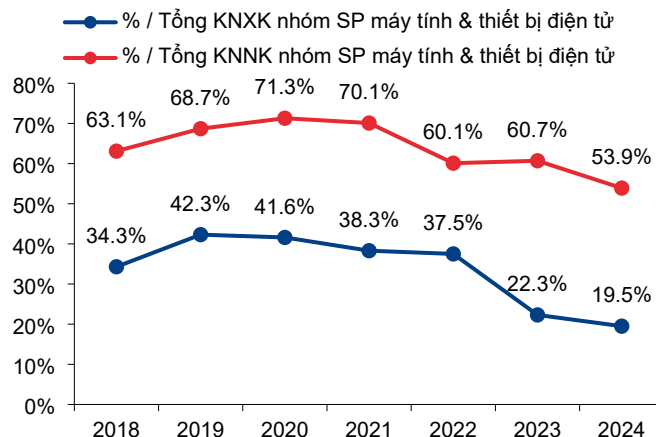


Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Ghi chú: Xuất khẩu chất bán dẫn chủ chốt bao gồm các mặt hàng thuộc mã HS 8541 và HS 8542, không bao gồm mã HS 854142 (tế bào quang điện chưa được lắp ráp thành mô-đun hoặc tấm pin) và HS 854143 (tế bào quang điện đã được lắp ráp thành mô-đun hoặc tấm pin, tức tấm pin năng lượng mặt trời).

Biểu đồ 17: Tỷ trọng thương mại chất bán dẫn chủ chốt trong tổng kim ngạch thương mại SP máy tính và điện tử

Năm 2024, xuất khẩu chất bán dẫn chỉ chiếm 19,5% tổng KNXX máy tính và thiết bị điện tử, trong khi nhập khẩu chất bán dẫn chiếm 53,9% tổng KNNK của nhóm hàng này

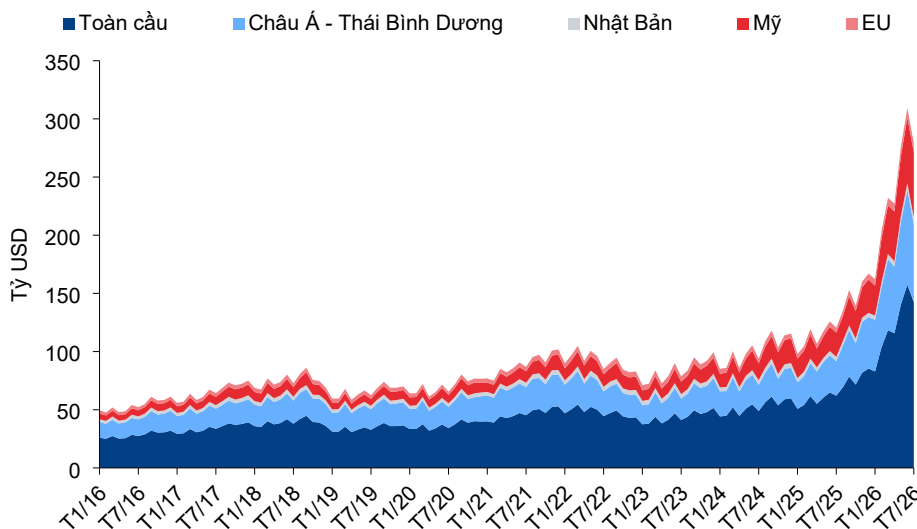


Nguồn: Cục Thống kê, HSC

Ghi chú: Xuất khẩu chất bán dẫn chủ chốt bao gồm các mặt hàng thuộc mã HS 8541 và HS 8542, không bao gồm mã HS 854142 (tế bào quang điện chưa được lắp ráp thành mô-đun hoặc tấm pin) và HS 854143 (tế bào quang điện đã được lắp ráp thành mô-đun hoặc tấm pin, tức tấm pin năng lượng mặt trời).

Biểu đồ 18: Thống kê thương mại chất bán dẫn toàn cầu: Doanh số bán ròng

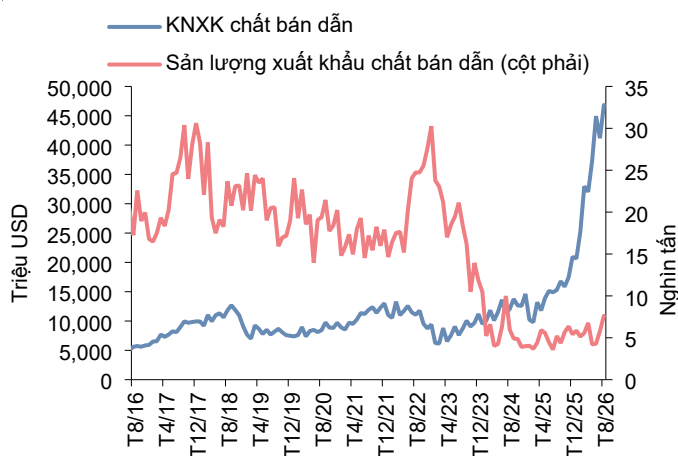
Doanh thu chất bán dẫn đã đạt mức cao kỷ lục mới, phản ánh nhu cầu ngày càng gia tăng trên toàn cầu nhằm đáp ứng làn sóng bùng nổ đầu tư vào hạ tầng AI



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 19: Xuất khẩu chất bán dẫn của Hàn Quốc

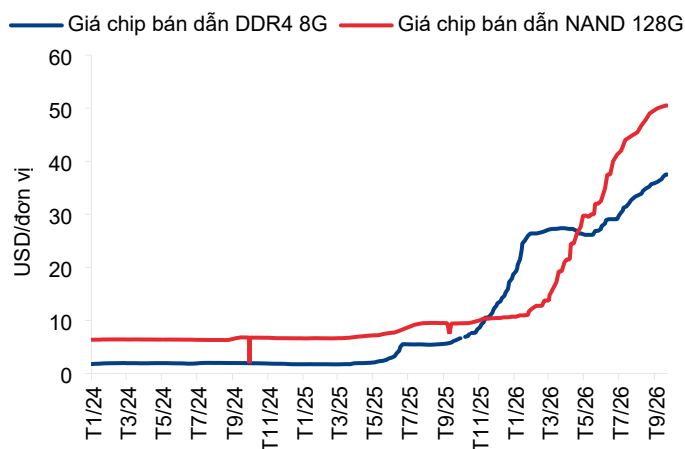
Xuất khẩu chất bán dẫn của Hàn Quốc – một chỉ báo sớm quan trọng của chu kỳ ngành bán dẫn toàn cầu – đã tăng đáng kể



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 20: Giá các SP bán dẫn chủ chốt của Hàn Quốc

Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn về sản lượng cho thấy nhu cầu đang dịch chuyển sang các dòng chip phục vụ AI có giá trị cao hơn, thể hiện qua đà tăng mạnh của giá các SP bán dẫn chủ chốt



Nguồn: CEIC, HSC

Phụ lục

Bảng 21: Mô tả các sản phẩm bán dẫn

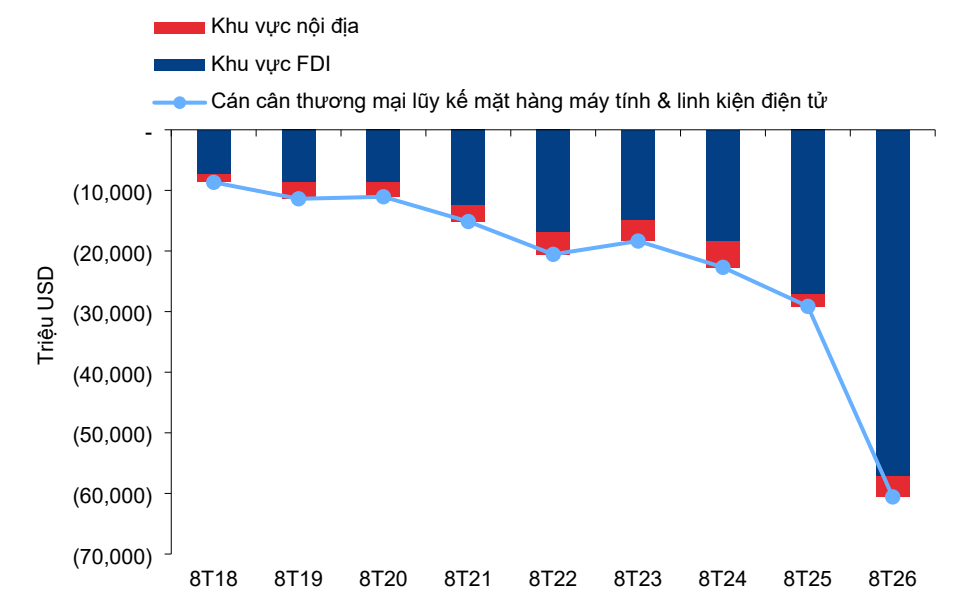
Các sản phẩm bán dẫn chủ chốt được sử dụng trong báo cáo này, không bao gồm các mặt hàng pin năng lượng mặt trời

Mã HS	Mã HS 6 số	Mô tả sản phẩm
8541	854110	Điốt, trừ điốt cảm quang và điốt phát quang (LED)
8541	854121	Transistor có công suất tiêu tán dưới 1 W
8541	854129	Các loại transistor khác
8541	854130	Thyristor, diac và triac, trừ các linh kiện cảm quang
8541	854141	Điốt phát quang (LED)
8541	854142	Tế bào quang điện chưa được lắp ráp thành mô-đun hoặc tấm pin
8541	854143	Tế bào quang điện đã được lắp ráp thành mô-đun hoặc tấm pin (pin năng lượng mặt trời)
8541	854149	Các linh kiện bán dẫn khác
8541	854151	Bộ chuyển đổi đại lượng vật lý sử dụng công nghệ bán dẫn
8541	854159	Các linh kiện bán dẫn khác
8541	854160	Tinh thể áp điện đã được gắn kết
8541	854190	Bộ phận của các linh kiện thuộc nhóm HS 8541
8542	854231	Bộ xử lý và bộ điều khiển (CPU, MCU)
8542	854232	Bộ nhớ (DRAM, NAND, Flash, SRAM)
8542	854233	Bộ khuếch đại
8542	854239	Các mạch tích hợp điện tử khác
8542	854290	Bộ phận của các mạch tích hợp điện tử

Nguồn: [HS 2022](#), HSC

Biểu đồ 22: Cán cân thương mại nhóm mặt hàng máy tính và thiết bị điện tử lũy kế từ đầu năm theo khu vực kinh tế

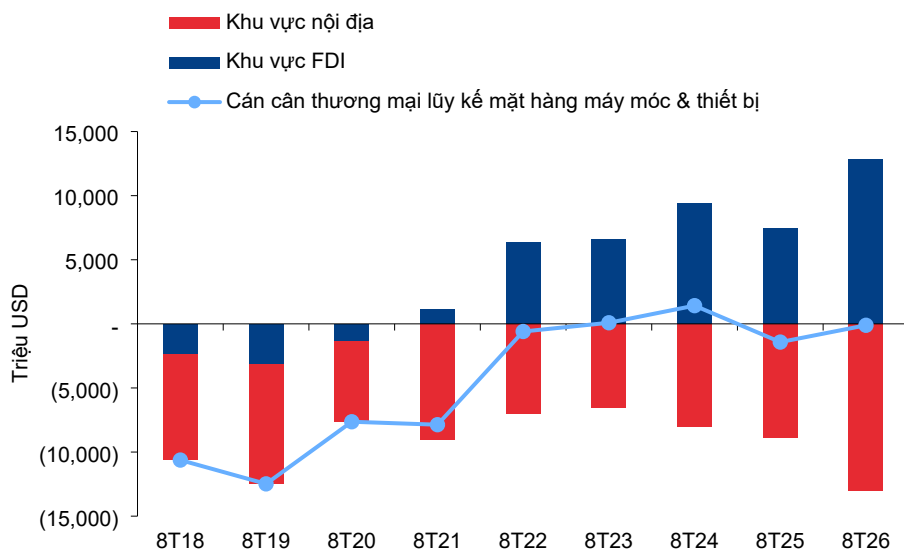
Thâm hụt thương mại nhóm sản phẩm máy tính và điện tử ngày càng tăng, chủ yếu tập trung ở khu vực FDI



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 23: Cán cân thương mại nhóm mặt hàng máy móc và thiết bị lũy kế từ đầu năm theo khu vực kinh tế

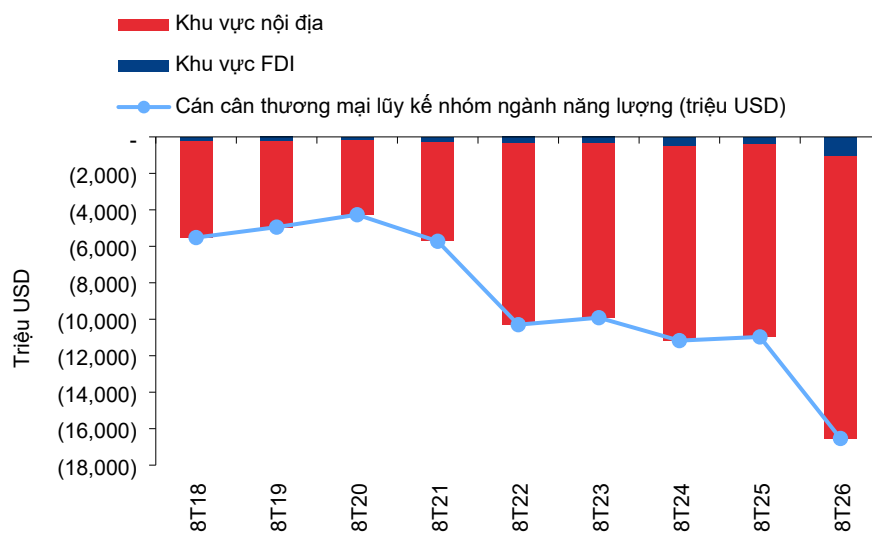
Thặng dư thương mại nhóm sản phẩm máy móc và thiết bị của khu vực FDI gia tăng, song lợi thế này bị bù trừ bởi thâm hụt thương mại ngày càng lớn và kéo dài của khu vực trong nước ở cùng nhóm hàng



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 24: Cán cân thương mại nhóm sản phẩm năng lượng lũy kế từ đầu năm theo khu vực kinh tế

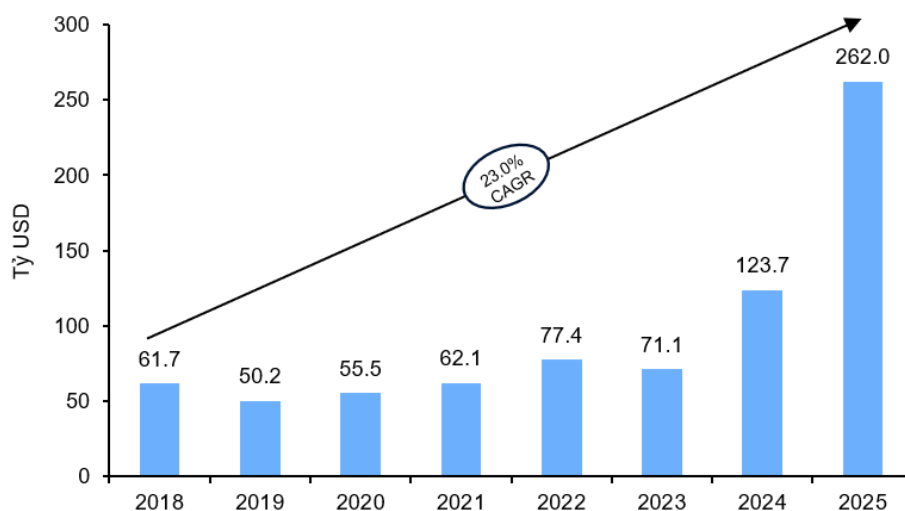
Thâm hụt thương mại nhóm sản phẩm năng lượng chủ yếu đến từ khu vực trong nước



Nguồn: Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 25: KNNK các sản phẩm liên quan đến AI của Mỹ

Đầu tư vào AI tăng bùng nổ đã thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm liên quan đến AI tăng trưởng mạnh mẽ

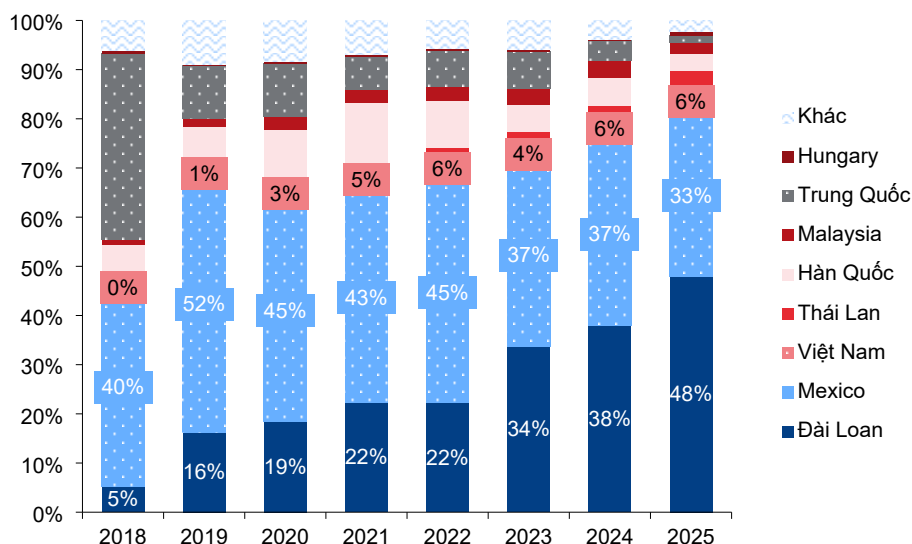


Nguồn: USITC, HSC

Lưu ý: Thương mại liên quan đến AI bao gồm các mã HS: 8471.50 (Bộ xử lý của máy xử lý dữ liệu tự động, trừ các loại thuộc mã 8471.41 hoặc 8471.49), 8471.80 (Các bộ phận khác của máy xử lý dữ liệu tự động) và 8473.30 (Bộ phận và phụ kiện của các máy thuộc nhóm 8471).

Biểu đồ 26: Cơ cấu nhập khẩu các sản phẩm liên quan đến AI của Mỹ

Đài Loan, Mexico và Việt Nam là các quốc gia cung cấp chính các sản phẩm liên quan đến AI cho thị trường Mỹ



Nguồn: USITC, HSC

Lưu ý: Thương mại liên quan đến AI bao gồm các mã HS: 8471.50 (Bộ xử lý của máy xử lý dữ liệu tự động, trừ các loại thuộc mã 8471.41 hoặc 8471.49), 8471.80 (Các bộ phận khác của máy xử lý dữ liệu tự động) và 8473.30 (Bộ phận và phụ kiện của các máy thuộc nhóm 8471).

Bảng 27: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F	2028F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500	27,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	4,060	4,167	4,212
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	8.50	8.00	8.00
GDP (tỷ USD)	346	370	411	433	476	514	545	576	621
GDP bình quân đầu người (USD)	3,558	3,757	4,132	4,316	4,702	5,026	5,279	5,537	5,910
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	4.35	-2.20	0.34	5.96	6.41	6.38	-0.92	0.35	0.48
Nợ công/GDP (%)	43.5	44.2	37.0	36.5	37.0	36.8	37.3	39.0	40.6
Nợ Chính phủ/GDP (%)	38.3	39.2	34.7	32.9	33.0	33.2	34.1	36.1	37.9
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.7	2.5	3.0	2.8	2.8	3.6	4.2	5.1	5.2
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	114	123	124	131	136	145	148	153	157
FDI giải ngân / FDI (%)	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.5	5.5	5.6
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.7	4.2	4.1
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	5.1	4.5	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	14.0	13.5	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	19,444	21,972	24,719	27,685
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	8.5	13.0	12.5	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	95	107	85	90	81	83	90	95	100
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.9	6.0	6.0
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	4.5	4.6	4.7
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.7	4.8	4.9
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	-19.2	-8.3	4.3
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	15.1	-8.1	1.4	25.8	30.5	32.8	-5.0	2.0	3.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	263	333	360	326	381	455	599	714	841
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	31.7	19.1	17.8
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	283	336	372	355	406	475	580	705	845
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	22.1	21.6	19.8
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	129	140	149	142	155	169	179	189	205
Nợ nước ngoài/GDP (%)	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8	33.0
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	30.1	32.0	34.7
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	49.2	54.2	57.9
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	10.5	8.0	9.0
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	11.0	9.0	10.0
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	11.0	9.5	10.0
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	12.0	13.0	13.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn